

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Dung

2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị C, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố Đồng Trũng, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở: Số 842/4, đường Bình Giã, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện đang ở Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Trương Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung H có đăng ký kết hôn năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm, không bị ai ép buộc, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn và đã nhiều lần sống ly thân. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng đã suy ngẫm và cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Từ tháng 11/2017 đến nay, vợ chồng ly thân và sống mỗi người một nơi, không có sự liên hệ và không còn tình cảm. Nay chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/11/2011. Khi ly hôn chị có nguyện vọng giao con chung cho anh H, chị sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2023/QĐ-UT ngày 09/5/2023 cho Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành thu thập chứng cứ. Ông Nguyễn Văn T, bà Đàm Thị H1 (bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Trung H) – Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác định: Đối với việc chị C xin ly hôn anh H đã được biết. Anh H có gọi điện trực tiếp về trao đổi tại buổi làm việc thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị C xin ly hôn anh nhất trí. Vợ chồng kết hôn với nhau năm 2010, tuy nhiên sau khi anh đi làm việc tại Nhật Bản thì chị C có quan hệ với người khác, từ đó vợ chồng nảy sinh cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/11/2011 hiện nay cháu L đang ở cùng ông bà nội và đang học tập ôn định tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu L, không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay anh đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản nên không về nước để giải quyết vụ án được, anh H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và anh ủy quyền cho bố anh là ông Nguyễn Văn T thay mặt anh giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị C, cho chị C được ly hôn với anh Nguyễn Trung H; Giao cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/11/2011 cho chị Chính trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh H cho chị C không yêu cầu.

Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 4714/PA08(Đ1) ngày 17/4/2023 của Cục Q – Bộ C1 xác định công dân Nguyễn Trung H đã xuất cảnh ngày 01/7/2019 qua C2, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trương Thị C chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh H là Nguyễn Văn T, bà Đàm Thị H1 (bố mẹ đẻ anh H), có đủ căn cứ xác định anh H vẫn liên hệ với ông bà nhưng ông bà cũng không cung cấp được địa chỉ của anh H và anh H cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án có yêu cầu nhân thân của anh H

cung cấp địa chỉ của anh H hiện nay ở nước ngoài nhưng gia đình anh H không có địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan để cung cấp cho Tòa án. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Trương Thị C và anh Nguyễn Trung H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị C trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn và đã nhiều lần sống ly thân. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng đã suy ngẫm và cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Từ tháng 11/2017 đến nay, vợ chồng ly thân và sống mỗi người một nơi, không có sự liên hệ và không còn tình cảm. Nay chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

Phía bị đơn anh H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước (bố mẹ đẻ anh H), anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn do chị C có quan hệ ngoài luồng với người khác. Hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, chị C xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H và chị C đều nhất trí xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, cho chị C được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị C và anh H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/11/2011. Quá trình giải quyết chị Chính đề nghị giao con cho anh H nuôi dưỡng, thông qua thân nhân của anh C cũng thể hiện anh C có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên hiện anh H đang ở nước ngoài, do vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/11/2011 cho chị Chính trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc nuôi con cho anh H cho chị C không yêu cầu.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chính xác định không yêu cầu giải quyết. Phía anh H cũng có lời khai thể hiện không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81,

82, 83, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị C đối với anh Nguyễn Trung H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/11/2011 cho chị C tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị C không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000240 ngày 29/3/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Trương Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Nguyễn Trung H được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND TT Hùng Sơn, huyện Đại Từ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương